

1943
1934

ĐẠI VIỆT

TẬP CHÍ

REVUE BI MENSUELLE PARAISSANT LE 1er ET LE 16 DE CHAQUE MOIS

Giám-đốc : HỒ-VĂN TRUNG *



MỤC LỤC

- 1— Nguyễn-văn-Thoại với sự đào Thoại-hà và kinh Vĩnh-lẽ. NGẠC-XUYỀN
- 2— Bước đầu kinh tế-học : Tin dụng. LÊ-CHÍ-THIỆP
- 3— Lã-Gia là gian tặc hay trung thân. NGUYỄN-TỬ-ANH
- 4— Léonard de Vinci THANH-TÂN
- 5— Về một bài thi. MỘNG-TIÊN
- 6— Trường hận ca. NGỌC-NHƠN
- 7— Giúp việc đại tang nghi : Bà Từ-Dũ. THƯỢNG-TÂN-THỊ
- 8— Ân-châu lịch-sử đại quan : III. Cỗ Hy-Lạp. QUANG-PHONG
- 9— « Rương vàng của con tôi » (tiếp theo) TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG
- 10— Ái-tình Miến (tiểu thuyết). HỒ BIỂU-CHÁNH



Bao-quan : 5, duong Reims, Saigon — Gia so này : 0 \$ 40

NGUYỄN-VĂN-THOẠI

với sự đảo Thoại-hà và kinh Vinh-tố
NGAC-XUYỀN

Khi đi tìm dấu vết tiền-nhân, khi đọc lịch-sử những bực danh-thần, nghĩa-sĩ, bất cứ của Đông-phương hay Tây-phương, người có óc hiểu-cổ thường nảy ra một cảm tưởng bất-mãn.

Biết bao vị anh-hùng hào-kiệt, chí-sĩ nhơn-nhân, suốt đời tận tụy với nghĩa-vụ, đến lúc quá-cổ thì phần đen bạc trong xã-hội đã sẵn dành: công cao, phận mỏng, nghỉ ngơi ngậm ngùi!

Chính cảm-tưởng ấy ám-ảnh cõi lòng kẻ viết mấy hàng này, khi đi tìm dấu vết vị danh-thần Thoại-ngọc-hầu.

Tuy vậy, lắm lúc chúng ta cũng được khoan-khoái mà thấy bực hữu-công được thưởng, được dư luận công chúng hoan nghinh, dầu rằng số người có phước này vẫn ít. Nhất là khi thấy mặc dầu không có trách-nhậm thưởng phạt đối với danh-thần tiền-triều, Chánh-phủ Pháp bằng chấn-niệm tới công nghiệp của danh-nhân chúng ta.

Bảng cờ: quan Toàn-quyền Đông Pháp, năm rồi, nhơn đi kinh-lý Châu-độc có đến viếng mộ Nguyễn-văn-Thoại, tức Thoại-ngọc-hầu, người mà ta quen gọi là « quan Bảo-hộ ». Nghĩa cũ qui hóa ấy đã an-ủi chút linh hồn Nguyễn-hầu nơi chín suối. Dầu sao, khi đọc tin đặc biệt ấy đăng trên các báo, chúng ta vừa khâm phục việc làm của quan Thủ-biến xứ này, vừa biểu lộ tự hỏi: Thoại-ngọc-hầu là người thế nào? Lúc sanh tiền làm công-nghiệp chi vẻ vang mà được quan Toàn-quyền dự khoảng thì giờ quý báu quá bộ tới tận núi Sam để cung chiêm miếu mộ?

I. — Đi tìm dấu tích quan hệ tới Thoại-ngọc-hầu. — Trước khi thuật lại tiểu sử Thoại-ngọc-hầu, kỹ giả xin phép đưa tri-tưởng chư quý độc giả du lịch vài nơi cổ-tích có quan-hệ tới thân-thể và sự nghiệp của ngài.

Đầu tiên, tới tỉnh Long-xuyên, chúng ta do đường thủy đi từ rạch Long-xuyên tới kinh Rạch-giá, xa xa chúng ta trông thấy núi Ba-thê và núi Sập.

Tới ngang núi Sập, chúng ta lên bộ xem qua phong cảnh. Đây là làng Thoại-son. Đây là chợ núi Sập, tên chữ gọi Thoại-son-thị. Núi chẳng cao mấy, chúng ta cùng nhau trèo.

Trên triền núi có ngôi chùa cổ đeo tấm bảng đề ba chữ to : « Thoại sơn-tự ». Trước chùa, về phía bên tả có cái nền bằng phẳng, ông thầy nói đó là chỗ dựng bia khi trước. Bia ấy sau đem về dựng tại tòa-bố Long-xuyên, nhưng sau nữa, làng lại lãnh bia về và đem dựng giữa đình. Chúng ta nên chịu khó đến đi h, các : đây độ một cây số

Tấm bia đá xanh trên có hai chữ « Thoại-sơn » !

Sau rốt thấy đề : « Minh-Mạng tam niên Nhâm ngũ (1822) đông chi hậu, Khâm sai Thống chế án thủ Châu đốc đồn, lãnh Bảo hộ Cao miên quốc ấn, kiêm quản Hà tiên trấn biên vụ, gia nhứt cấp kỹ lục nhứt thứ Thoại-ngọc-hầu chế.

« Gia định thành Đốc-học Cao-bá-Nghi thảo... »

Đọc xong bia, chúng ta chú ý nhứt một đoạn văn, xin tạm dịch dưới đây :

.. « Mùa thu năm Đinh-sửu (1817), kẻ lão-thần này Thọ mạng trấn-thủ trấn Vĩnh thanh (1). Mùa xuân năm Mậu dân (1818), lại phụng chỉ đồng đốc đào kinh Đông-xuyên (2). Ngày liếp được chỉ Vua, sớm tối hằng lo sợ, nguyện cầu, cố dọn cây cỏ rậm, xút đất bùn lầy, đào kinh dài một vạn hai ngàn bốn trăm mười tám (12.410 tám), trải qua một tháng đã thành công ; nhiệm nhiên trở thành một con rạch to, thuyền bè qua lại tiện lợi.

« Núi ở gần mé kinh, cao hơn 10 trượng, châu vi được 2.478 lăm ; trông ra sắc biếc xanh xanh, đứng cao sừng sừng, cỏ cây hoạt động như thần long giỡn dưới nước, như thê phụng múa trên sóng, cảnh kỳ-tú ấy, nếu khôn r lay thợ tạo đặt bày, thì còn ai ? Từ xưa cũ h ấy bí ẩn trong bầu trời đất, ít dấu người đi tới. Ngày đào kinh xong, dâng bản đồ lĩnh trên ngự lăm, ấy cũng là ngày kỳ ngộ với núi non vậy ! Đáng chi tôn ban ngọc dụ, lấy danh-tước Thoại-ngọc của lão-thần, từ danh « Thoại-hà » cho kinh Đông-xuyên, đề ghi công lao của lão-thần... »

Đọc tiếp, chúng ta thấy trong bia nhắc đại lược thân thế của Thoại ngọc hầu. Nhờ đó mới biết ngài người quán Quảng-Nam, vào Nam đầu quân thời đức Cao-hoàng; trải qua các xứ Xiêm, Lào, Cao-miên, bốn tâu miên thượng đạo giúp Nguyễn Vương. Thời Trung hưng, lại lãnh Lạng sơn, Định tướng, Vĩnh thanh trấn thủ ; khoảng hơn 10 năm ở trấn Vĩnh thanh, bảo hộ Cao miên, đào kinh Đông xuyên, đào kinh Vĩnh tế. . .

(1) Thời Gia Long, xứ Nam kỳ chia làm 5 trấn ; Phan a, Biên hòa, Vĩnh thanh, Định tướng, Hà tiên và 1 đồn Chà i đốc Năm Minh Mạng 13 (1839) mới chia làm sáu tỉnh

(2) Hiện nay gọi Long xuyên (Thời Dũ-Tôn, Gia-Long, tên Long-xuyên chỉ vùng La-mau.)

Từ núi Sập trở về Longxuyên, xin đưa quý độc giả đi thẳng lên Châu đốc, chúng ta thường thức danh thắng núi Sam và cùng chiêm miếu mộ Thoại ngọc hầu. Tại miếu ta xin phép lên gác xem bài vị ghi chức sắc thờ ngài. Ra mộ ta thấy ba ngôi song song; độc mộ chỉ mới rõ mộ ngài và hai vị phu nhân. Nhưng điều ta đáng chú ý nhất, cũng như ở núi Sập là tấm bia đá dựng trước miếu, có khắc hai bài ký: « Vinh tế sơn ký » và « Vinh tế sơn lộ kiều lương ký ».

Đọc bài ký « Vinh tế sơn », chúng ta không khỏi khoan khoái thấy tại sao lại đặt tên núi Sam là « Vinh tế sơn », làng bên cạnh núi là « Vinh tế thôn » và kinh Châu đốc-Hà-tiên là « Vinh tế hà », và biết rõ Châu thị Tế là táng danh của chánh thất Thoại ngọc-hầu vậy. Thiết tưởng nên tạm dịch ra đây đoạn văn ấy:

«... Năm trước đây, « thần » phụng mạng đốc sức đào kinh Đông xuyên. Vua đã lấy danh tước « thần » đặt tên núi Sập là « Thoại sơn ».

« Đến nay Đấng Chi tôn lại chấn niệm tới tấc lòng « thần » rằng biết tề gia hợp hóa khí, lại chiếu cố tới nội tướng thần là Châu thị Tế rằng có đức dày trong đường lễ giáo, trong tư thất biết khuyến khích chồng, có một tấm lòng thành bền chặt, đã vì nhiều trợ giúp công lao, nên xuống lệnh từ danh núi Sam là « Vinh tế sơn ».

« Nhờ núi mà người được nêu danh tiết, ân vua gọi rữa, loc trăm càng được vẻ vang ;

« Nhờ người mà núi được lễ từ danh, ân vua thăm nhuần, cỏ hoa càng thêm tươi tốt.

« Đối với đức cao thâm, trí nảo « thần » mở rộng, tâm quan « thần » gần ghi Thật là :

Sơn vận được hội tốt tao phùng.

Lão thần được duyên may lễ ngộ.

Nếu không, núi vì đâu mà được thiêng liêng vậy ?

Tôi lúc, phận đàn bà đã hoàn bị, giải sạch nhọc nhằn về nơi tiên cảnh (3), đây cũng nhờ thọ bầm đất trời, cha mẹ rết đối với non xanh cảnh trí này, thật cũng thỏa lòng tự mãn lắm !

Tên đất là họ (4), hiệu núi là tên. Sống đã biểu dương thạc còn dấu tích. Thế mới biết nợ ba sanh túc khế thật cũng nhờ Hồng tạo hữu thành. Hà phải việc tâm thường ru ? Chính đó là danh dự đã: biết vậy.

(3) Do theo gia phổ họ Châu, bà mất năm Bính-Tuất 1826, trước ông ba năm.

(4) Phu-nhơn họ Châu ở đất Châu đốc.

Nay : yển sáng sớm lan sương bóng là chiều che rặng , cây
sân rợp khoe xanh, cỏ là đà phở thắm;

Đường quang trong sạch bụi, ngồi ngắm nghĩa liêu dao ;
đồng nước trái bức là, đứng buông chèo nhân ngoạn, người
người lay trở non xanh thắm nói : « Kia núi được vua tứ danh
Vĩnh tế sơn sừng sừng đó ». Lại tự hỏi : « Núi nhờ người mà
được bất-lữ chẳng ? Người nhờ núi mà được lưu truyền
chẳng ? » Chính thật là nhờ Hoàng-ân cao rộng, thắm sâu vô
tận vậy.

Minh Mạng năm thứ 9 (1828), cuối mùa thu, Thoại ngọc-hầu
chế, Cựu thần Triều Lê trung thi, Tam-hà Vô-lợi thừa soạn.

Đọc tới bài ký thứ nhì « Vĩnh tế sơn lộ kiều lương », chúng
ta lại khám phục công tạo tác của tiền nhân ta : Ngoài việc
đào kinh Thoại-bà Vĩnh tế, Thoại ngọc-Hầu lại còn dày công
in kiều, bồi lộ. Đoạn rút bài ký ấy, đăng dịch ra đây, để cùng
ta thấy rõ những lao tâm khổ tứ của ngài, cốt lo tròn trách vụ
cử, đáng làm cha mẹ dân.

« ...Nhớ tích ông Tô đông Pha, lúc trấn nhậm Hàng-châu.
« om góp rau phong đắp thành bờ đê suốt từ Hàng - châu tới
« Tây-hồ, hiện nay vẫn còn. Hướng chỉ nay chỉ có khoảng hẹp
« đầm sâu, nở ngôi yên đê trở ngại nẻo giao thông ? Fôi liền dâng
« sớ lâu tự sự. Lịnh trên phê chuẩn. Tôi khởi công đắp lộ, từ
« chơn núi Vĩnh tế, phóng ngang qua đầm nước, đi thẳng tới đình
« đồn. Lộ dài 2700 tầm tới bến sông, cao 8 thước rộng 4 tầm ;
« lấy đất dười chơn núi đắp thành.

« Sớ phi nhờ các quan viên lấy bổng lộc quyền giúp, phụ với
của nhà, tới nhờ dân sự giúp nhân công và xe cộ chở chuyên.
Từ năm Bình tuất (1826) ngày 20 tháng chạp khởi sự, dùng
3.400 hơn công, tới năm Đinh hợi 1827), rằm tháng tư lộ
đắp thành.

« Năm nay lại bồi bổ thế n, mộ nhân công 1.000 người, kể từ
ngày 18 tháng giêng, tới rằm tháng tư xong công việc. Như
công người Thổ, mỗi tháng phát : tiền một quan, gạo một vuớng.

« Đường lộ có nước thông qua bốn đoạn, thấy đều có bắt
cầu ván. Trên mỗi cây cầu, thả ván be dài 6 tầm, dày 5 tấc,
muốn thợ chắc chắn, tiện cho hơn dân đi lại gánh vác dễ dàng
xe cộ lại qua yên ổn.

« Ngày nay : mé nước cỏ xanh khởi lên tiếng kêu đò inh ỏi ;
bên đường bóng mát, chẳng ra công chèo chổng nhọc nhằn,
Trái lại :

Vàng sương mai in rõ vết chơn.

Bóng trắng tối lờng theo lặn gót.

Xét ra thật là một lối tiện lợi nhưt. Làm việc ấy chính để tỏ chút lòng thù đáp của kẻ chán dân...

Hiện nay tại Châu đốc có một con đường trong thành phố đi từ mé sông thẳng ra đường đi núi Sam đặt tên là đường «Bắc-hộ Thoại».

Một điều chúng ta lấy làm lạ là trong bài ký «Vinh tế sơn lộ kiều lương» có bài rõ công việc tạo tác, ngày tháng, số nhơn công ; thế mà công việc rất to tác là đào kinh Vinh tế lại không thấy một bài ký nào riêng khắc vào bia kẻ rõ công phu khó nhọc ấy.

Nếu chúng ta viếng kinh Vinh tế, chúng ta tức khắc thám phục tài phóng kính của tiền nhơn ta : có đoạn kinh thẳng băng trong khoảng rừng núi hiểm trở, nhưt là khi chúng ta nhớ lại thời bấy giờ tổ tiên ta chưa biết tới máy nhấm mà hiện nay các ông Kỹ sư thường dùng. Tương truyền rằng các đốc công ta xưa kia thường dùng nhiều ngọn lửa đốt bốc ngọn lên cao, để làm dấu hiệu, lúc ban đêm, giữa rừng núi thẳm sâu, phóng kính được ngay thẳng cũng nhờ phương pháp ấy.

Chúng ta càng thám phục thêm công phu khó nhọc đào kinh giữa đất núi. Nhiều khoảng gặp phải đá gồ ghề chặn ngang đường kinh đã phóng, thế mà tiền nhơn ta cố công đào cũng được, nhưt là phải dùng những khí cụ hết sức đơn sơ của thời xưa. Thật ra kinh đào không được mấy sâu trong mấy khoảng gặp đá. Hiện nay muốn cho thuyền bè qua lại quanh năm, Chánh-phủ đã đặt bưng ở nước, cho mặt nước kinh lên cao (écluse). Dầu sao, bằng cứ này chỉ rõ rằng tiền nhơn ta dùng sức yếu đuối của người mà chiến thắng được sức đá hàng rắn rỏi.

Trong *Tim* kiểm trong sử thấy nhắc lại rằng : dự vào việc đào kinh Vinh tế có 10.000 người : 5.000 dân Annam và 5.000 dân Cao miên. Đại trong tiểu sử quan « Điều bát » Nguyễn-văn-Tồn (5) có thuật rằng : Năm Gia-Long thứ 18 (1819) Tồn dẫn 500 dân lên Châu đốc giúp Thoại-ngọc-hầu đào kinh Vinh tế.

Sở dĩ Châu đốc chúng ta nên tìm kiếm dòng dõi của Nguyễn-Hầu. Sau một cuộc dò la lâu, chúng ta mới tìm tới nhà ông Nguyễn khắc Ngọ ở gần bến « bắc » Tânchâu. Ông Ngọ người ngoài 50 tuổi, cháu năm đời của Nguyễn-Hầu. Chúng ta rất hân hạnh được ông Ngọ sẵn lòng cho xem qua và biên chép từ gia phả trong họ, tới bằng sắc phong tặng Nguyễn-Hầu và cha mẹ của ngài.

Rồi sau, lìa Châu đốc chúng ta đi thẳng xuống Cù lao Dài, ở giữa sông Cỏ Chiên, ngang Vũng-Liên, thuộc về tỉnh Vĩnh-Long. Đến Cù lao chúng ta liền tới làng Thái bình, (Nay sáp nhập với làng Thanh Khê nên gọi là Thanh bình) là làng mà xưa kia bà Châu thị Tế sanh trưởng. Chúng ta được dịp cùng chiêm hai vương mộ to tác, tục vùng ấy gọi là «lăng ông Bão-hộ».

Một vương là mộ họ Châu táng cha mẹ vợ của Nguyễn-hầu ; một vương nữa đồ sộ hơn là mộ họ Nguyễn ; mẹ và thân quyến của ngài. Hai kiến họ Châu và Nguyễn hiện nay còn dòng dõi ở trong làng Thái bình : ông Hương bá Châu vinh Kiệt và ông cử Hương bá Nguyễn khắc Dự.

Ông sau này hiện nay cất nhà cửa tại nền cũ mà xưa kia Nguyễn hầu cất nhà tạm ở để trông nom thợ xây hai vương mộ kể trên. Ông Du còn giữ lại trong nhà chút ít giấy tờ trong họ. Dòng họ Nguyễn hiện nay còn sót lại hai chi : một chi ở Châu-dốc, một chi nữa ở Cù lao Dài.

Ông Dự lại dắt chúng ta đi tới nhà ông Hương-bá họ Châu-Vinh ; hỏi ra mới rõ dòng dõi họ Châu-Vinh ở trong làng vẫn còn sung túc. Tại nhà ông này còn giữ một cái trống châu to, một cái chiêng rất cồng, chính là hai món đồ mà xưa kia Nguyễn-hầu cúng vào đình làng Thái-bình.

Nhơn dịp này, chúng ta đi viếng chùa Linh-phước được xem một pho tượng Hộ-Pháp, tượng đồng, tương truyền là của Nguyễn hầu cúng cho chùa.

Cuộc du-lich bằng trí tưởng đi tìm dấu tích có quan hệ tới Nguyễn hầu, tới đây là dứt.

Muôn được rõ thêm tường tận thân thế và công nghiệp của ngài, tôi xin biên dịch tiểu sử rút trong « Đại-Nam liệt truyện »⁵ lập quyển 27, trang 9, để cống hiến chư quý độc-giã.

⁵ Nguyễn văn-Tồn tên thật là Duẩn, vốn tự hàng nô bộc Cao-miền, quản ở Trà-vinh dày công giúp đức Cao hoàng được từ táng danh Nguyễn văn-Tồn, thăng tới chức Thống-chế Điều bát Uy-viên đôn. Hiện nay miếu mộ còn tại Trà Ôn (Cần-thơ).

TÍN DỤNG

Tín dụng (le crédit) chỉ là một sự giao dịch nói rộng ra : giao dịch trong thời gian chứ không phải trong không gian. Tín dụng tức là sự đổi một tài sản hiện-thời để lấy một tài sản tương lai.

Thí dụ ta bán cho ai tờ sơi. Nhưng người ấy chưa có tài sản hiện thời để trả cho ta. Người ấy sẽ dệt tờ ra hàng lụa, rồi sẽ trả cho ta hàng lụa bằng giá số tờ đã mua chịu.

Trên đây rõ ràng là một sự mua bán, nhưng có khác với sự mua bán thường, là vì mua bán *chịu* chứ không phải *tiền mặt*.

Cũng có một lối tín dụng khác nữa. Thay vì bán lụa, ta cho *mượn* lụa, nghĩa là tới mùa phải trả lại cho ta. Cố nhiên không trả lại lụa đó được vì phải dùng nó. Nhưng cũng vẫn là một sự giao dịch.

Thế thì tính cách cốt yếu của tín dụng là 1°) sự *tiêu xài vật* đã bán hay cho mượn ; 2°) sự *chờ đợi* một vật mới sẽ đến thế vật cũ.

Do đó mà gây ra một trường hợp đáng sợ cho người mượn mà cũng cho kẻ cho mượn nữa

Kẻ cho mượn có thể bị sự rủi ro thiệt hại cho mình, bởi vì của đang chờ đợi, dầu sao đi nữa, nó cũng chưa có trong hiện tại ; nó sẽ có ở tương lai, mà đã là tương lai thì không lấy gì làm chắc được. Thế nên người cho mượn phải có lòng tin cậy ít nhiều. Điều đó cắt nghĩa chữ *tín-dụng*, dùng để chỉ một lối cho thiếu chịu.

Muốn tránh sự rủi ro, người cho mượn có thể bắt buộc thế chưa bằng một món hàng gì, như trong việc cầm cố vậy.

Còn người mượn, bổn phận phải dùng tài sản cách nào cho nó đẻ lời, cho nó sanh sản ra của cải khác. Bằng không được như vậy, hoặc đem tài sản về tiêu xài riêng cho mình, thì phải bị tai hại. Nhiều cảnh khuyh gia bại sản do duyên cơ ấy mà ra.

Tóm lại tín dụng, tức là các cuộc mua bán chịu, là mộ

lỗi tổ-chức, như phần nhiều đồ vật tinh-xảo, có thể trở nên nguy hiểm cho người dùng nó : nó chỉ có ích trong những xã-hội mà về đường kinh-tế, có một giáo-dục khá cao.

TÍN PHIẾU (titres de crédit).— Điều làm căn bản cho tín dụng, nghĩa là mua bán chịu, là tài sản tương lai. Tuy rằng nó chưa có, nhưng người ta cũng có thể cho nó một bình trạng hiện tại, dùng đem ra mua bán được. Ấy là tín phiếu (hối phiếu hay kỳ phiếu), tức là những mảnh giấy dùng làm của tin trong việc buôn bán để giao qua đưa lại thay cho giấy bạc hay đồng tiền. Giá trị của tín phiếu là số tiền khai rõ trong mảnh giấy đó có đề ngày, tháng, năm và chữ ký hẳn hoi.

HỐI PHIẾU (lettre de change). là một tờ của người chủ nợ cho người thiếu nợ hay phải trả số tiền thiếu lại cho một người thứ ba nào đó, thường thường là một người ở nơi khác hay xứ khác. Còn *kỳ phiếu* (billet à ordre) là một tờ của người thiếu nợ làm đề hẹn với chủ nợ sẽ trả cho y hay cho người thay mặt số tiền thiếu.

Xưa và nay, bao giờ người ta cũng hay dùng hối phiếu để giải quyết các công cuộc buôn bán nợ nần cách xa, từ xứ này qua xứ khác. Thí dụ một người buôn bán ở Saigon thiếu một lái buôn ở Hương-cảng 1000 đồng.

Thay vì gửi tiền trả cho người ấy, thì lại giao số tiền cho một thương gia nào ở Saigon được có người ở Hương cảng thiếu nợ. Thương gia ấy bèn trao lại cho y một cái tờ (hối phiếu) bảo người thiếu nợ mình ở Hương cảng phải trả số tiền thiếu 1000 đồng cho ai cầm tờ ấy. Thành ra người buôn bán ở Saigon mắc món nợ 1000 đồng chỉ gửi cho người chủ nợ mình ở Hương cảng một cái hối phiếu đó là đủ, khỏi phải gửi tiền, vì người chủ nợ sẽ đem hối phiếu lại đòi người thiếu nợ của thương gia ở Saigon, như thế là các nợ đều trả xong.

Hối phiếu còn có tính cách chắc chắn hơn là một tờ thiếu nợ thường, là vì các người có ký tên trên tờ ấy đều dính dấp liên lạc nhau. Hối phiếu có thể trao qua tay nhiều người. Ai có quyền trên hối phiếu ấy cứ việc viết ở trang sau bảo trả số tiền cho người nào, là người ấy được cái quyền kia về mình, rồi mình cũng có thể trao cái quyền ấy cho người khác nữa vân vân... Tuy quyền đã trao, nhưng trách nhiệm phải chịu chung với nhau.

Hối phiếu hay kỳ-phiếu, theo thí dụ trên kia, đôi với các nhà buôn và nhà ngân-hàng cũng có giá-trị bằng một ngàn đồng. Đưa trả cái tin phiếu đó cũng như trả số tiền mặt một ngàn đồng vậy. Chỉ khác là tiền mặt thì được lấy ngay còn tin phiếu thì phải đợi hàng tháng hay nửa năm tùy theo kỳ hạn biên trên tờ.

Sự bày ra tin phiếu chẳng những có ích vì làm cho cuộc mua bán, mượn tiền hay trả tiền được dễ dàng, nó lại còn có cái hiệu quả kỳ lạ này nữa, là nó làm như tiền vốn trở nên gấp đôi (dédoublement du capital), bởi lẽ hai người đồng thời đều dùng chung một số tiền.

Người đi mua chịu được cái lợi giữ trong mình một ít lâu số tiền của mình, trái lại, người bán chịu phải bị thiệt thòi là không dùng ngay được số tiền của mình, huống chi mỗi ngày luôn luôn phải có việc xuất tiền đặng mua sắm vật này vật nọ. Phải làm sao cho người bán chịu cũng có quyền dùng đến số tiền người ta đang thiếu mình ?

Bày ra tin phiếu chính là giải quyết vấn đề đó. Tin phiếu biểu hiệu cho số tiền, nên có cái công dụng như số tiền vậy. Thiệt ra tin phiếu không có sanh sản của cái, nó chỉ cho ta được dễ dàng có của cái khác thế cho tài sản mà ta đã rời.

Tin dụng không có tạo ra vốn liếng, không có sanh sản của cái, nhưng nếu không có nó thì nhiều vốn liếng tài sản không được dùng và không đẻ lợi.

Thật vậy, nếu vốn liếng không được từ tay người này qua tay người khác, nếu mỗi người tự mình phải làm cho vốn liếng mình sanh lợi, thì biết bao nhiêu vốn liếng sẽ phải nằm yên. Trong xã-hội văn-minh, có nhiều người, vì hoàn cảnh, không thể lợi dụng của cái của mình. Đại khái, như kẻ giàu quá, không có đủ sức, hay không chịu ra công làm cho tài sản mình sanh lợi, — như kẻ không đủ tiền để kinh doanh, nhưng không phải là không đáng kể vì muôn ngàn số vốn con cũng thành một tư bản vĩ đại, — sau hết như những người boặc vì tuổi tác, hoặc vì nghề nghiệp, không có thể đá động đến công việc thương-mại, kinh-lẽ.

LÊ-CHÍ-THIỆP biên dịch



LẢ-GIA LÀ GIAN TẶC HAY TRUNG THẦN ?

NGUYỄN-TỬ-ANH

XÉT về Lã Gia, cũng như về Hồ quý Ly, Trần thủ Độ, Mạc dăng Dung, nhiều sử gia đã dùng một luận điệu quá khe khắt, người ta không ngại ngừng gì mà cũng buộc Lã Gia vào tội nghịch.

Từ mấy ngàn năm, cái sai lầm vẫn còn vương mãi, đọc lại sử, biết bao nhiêu là vết xấu, mà các nhà làm sử đã, trong một óc nóng nôi, mà viết bằng một giọng cay nghiệt đảo lộn cả sự thật.

Về Lã Gia, sử Cương mục chép : « Mùa đông tháng 11, Triệu Thái phó, Lã Gia, giết vua là Hưng và Thái hậu họ Cù, lại giết cả sử giả nhà Hán, lập Vệ Dương hầu Kiến Đức lên làm Vương.»

Biên-giả cuốn sử này hạ chữ «thí» (ngược giết) tức là đã buộc cho Gia vào cái tội «bất thần» rồi.

Về lời dẫn (mục) ở dưới có câu chép : « Nhân tự nói là giết, không vào châu, ngầm với các đại-thần mưu làm loạn,..»

Đó lại là một câu chính thức buộc cho Gia vào cái tội « làm loạn ».

Cũng vì Lã-Gia, sử thần Lê-văn-Hưu viết : « Gia ngăn không nghe, theo lễ, nên dẫn cả đình-thần vào cô ngăn, hoạn có cảm ngộ. Nếu không nghe, nên nhận làm lỗi, tránh bỏ chức vị của mình (1). Nếu lại không làm như thế được, thì nên bắt chước cách hành động của Y-doãn, Hoặc Quang, kén một người con Minh-Vương lên thay ngôi vua v.v...»

Coi hai đoạn trên, ta thấy rằng sử chép câu nệ và nghiệt, để lời bàn lại thiên về « sáo, hủ ». Đành rằng người dưới giết trên, như bày tôi giết cha đều phải dùng chữ « thí » tức là ngược giết. Song ta phải xét cái nghĩa, phạm đã là loạn thần tặc tử, ai nấy cũng có quyền được giết. Tức như Kiệt, Trụ mà ông Mạnh cũng còn nói : « Nghe giết một tên thất phu là Trụ v. v... » thì, rõ ràng là một ngôi thiên-tử đó, chỉ vì cái tội tàn ngược với dân mà còn phải giáng xuống hàng thất phu, huống chi, đảng này, mẹ con Cù-thị lại muốn đường hoàng đem nước

bản cho người khác thời có thể cho là hạng cầm thú, khắp người trong nước đều có thể giết, huống chi là ông Lã Gia?

Lã - Gia, một người từng làm tướng ba Triều ở nước thối nhuần, quyền binh trong tay, với cái cảnh điêu-dùng của giang sơn như thế, làm sao cho Lã gia có thể làm ngơ được?

Nói về Lã-Gia làm loạn, thì thực là một sự quá đáng, phải xét cái địa vị của Lã-Gia lúc bấy giờ. Sử chép : « Gia làm tướng trải ba triều, chức Trưởng lại, trong họ làm tới 70 người, bao các con trai đều lấy công chúa, bao các con gái lại là hàng con em nhà vua, lại thông gia với Thương - Ngô Tần - Vương... rất được lòng dân trong nước tin phục... »

Cứ cái địa-vị như thế, nếu Gia có cái dã tâm muốn làm như Tháo Mãng, thì một mặt cầm cố bó buộc Cù-Thị, một mặt dâng thư lừa dối bên Hán làm như kiêu Hồ, Mạc, đối với Trần, Lê sau này, phỏng có lấy gì làm khó, hà tất phải lập « Kiến-Đức, đem quân giữ các nơi yếu hại để cứu vãn lấy cơ nghiệp họ Triệu đang thời kỳ nguy như hồng trứng ».

Theo như lời bàn của Lê-văn-Hưu về sự « CỔ NGÃN » thời trong sử, chẳng đã chép xác-gián vật nội phụ : ngăn luôn từng nội phụ rồi đó ư? Đến bảo Lã nên từ chức thì thực là nóng nôi quá. Phải biết lúc bấy giờ cái thân thế của Lã Gia đối với họ Triệu rất quan hệ vì Gia còn, Triệu còn, Gia mất, Triệu mất, sự liên lạc rất mật thiết, nếu là một người có thể từ chức được, thì hà tất Cù-Thị còn phải định giết và...

Trước mặt Cù-Thị, lúc đó Lã-Gia như một cái đinh đã ngấn trở hết việc làm của Cù-Thị rồi, vì vậy muốn trừ Lã-Gia, Cù-Thị đã toan mưu hại, thì sự từ chức của Gia là một điều rất đáng mừng cho Cù-Thị, chứ cần chi họ còn phải lập kế nọ phương kia để trừ Gia.

Còn bảo làm theo như Y-Doãn, Hoắc Quang thì Gia đã làm rồi đó, chỉ có khác Y. Hoắc là Gia không thể bảo toàn được tinh-mạng cho Hưng...

Đó là, hoặc do trường hợp lúc bấy giờ. Hưng lúc nào cũng đi đôi với Cù-Thị, cùng bất đắc dĩ Gia phải giết, thiệt ra, Gia có oán ghét chi Hưng, vì lẽ nào Gia lại không rõ cái nguyên nhân do lòng tà-dâm của Cù-Thị với An-quốc Thiếu Quý.

Sự thế biến huyền, đến người đương thời cũng khó mà lường được, nữa là kẻ ở mấy ngàn năm sau mà muốn xét thật đúng, thực là một vấn đề khó vô cùng và không biết tự lượng vậy.

Việc đã đành là khó xét, song đến cái Tâm thì ta phải nên « nguyên » chứ không nên dùng một ngọn bút khắc nghiệt quá

đề chỉ trích cổ nhân, như thế, chẳng những hẹp hòi, mà ít khi được chính đáng.

Phê bình Lã Gia, thi sĩ Tân Đà Nguyễn khác Hiếu đã dùng hai câu :

Quyền cao, chức trọng đầu râu bạc,

Hai vai gánh vác một sớ hà !

Thi sĩ họ Nguyễn thực đã hiểu sâu xa cái địa vị của Gia trong lúc ấy.

Đề chấm dứt bài này, tôi tưởng nên chép ra đây đôi câu đối ở đền thờ Lã-Gia, do cụ Đốc học Nguyễn Trùng Hanh viết :

— Dững giả-giả, diệc đại nghĩa nhiên, nhất lịch dĩ vô cừ diện mục.

— Trung lễ hồ, phó công luận tại chích thân tri hữu Triệu sơn hà.

Dịch nghĩa :

— Dững thật đấy, cũng là đại nghĩa nữa, chỉ một bài lịch đã không còn coi có mặt họ Cù nữa.

— Trung đó chẳng ? để mặc cho công luận, chiếc thân chỉ biết có núi sông của họ Triệu mà thôi !

Tuy là câu đối, mà thật đủ cả sự thực, Sử thư, sử bút, người đọc sử lên có cái nhãn quang ấy.

Saigon, Novembre 1943

Hoà - Nam

NGUYỄN-TỬ-ANH

SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN

— Đ A I - V I È T —

- | | |
|--|------|
| 1) Cư Kinh (tiểu thuyết) của Hồ Biểu Chánh. | 0,70 |
| 2) Pétain Cách Ngón, | 1,50 |
| A Đông Triết Lý Hiệp Giải | } |
| của Đặng-thúc-Liêng và Hồ-văn-Trung | |
| 3) Tiểu Phũ-Viên, Hào-Vào, Thi-Văn toàn tập | } |
| của Đặng-thúc-Liêng. | |
| 4) Nền Luân Lý Việt Nam của Lê-chí Thiệp. | 0,50 |
| 5) Những lời thường làm trong sự học Quốc văn | } |
| của Đông-Hồ và Trúc-Hà. | |
| Mới xuất bản : Huân Tử Ca của Nguyễn viên Kiều | 0,25 |
| (Có bài tựa của Hồ Biểu-Chánh) | |
| <u>Đang in</u> : 1) Luân Lý Đạo Nho của Trúc Hà. | 1,50 |
| 2) Con nhà Hoang | } |
| của Thân-Văn Nguyễn-văn-Quí | |

Léonard de Vinci

Hồi năm 1550 hên Ý-ta-li có ông *Georges Vasari* viết một quyển sách nhan đề là « Lịch sử đời các nhà họa sĩ, điêu khắc và kiến trúc tài hơn hết » có thuật lịch sử của ông *Léonard de Vinci* dùng những lời nói rất nghiêm trang có ý cho độc giả phải chú ý đến một người kỷ tài trên thế có một không hai.

Mà thật thế, nếu xem đến lịch sử một nhơn vật kỷ tài như ông *Léonard de Vinci* mà ai lại chẳng thần phục cho người thông minh tài trí lạ thường; không khoa học nào mà người không biết, mà không khoa học nào mà người chẳng thông thạo khéo léo đến cực điểm, không khác nào một bác sĩ chuyên môn.

Léonard de Vinci thật là một người thông thái lạ thường thiên hạ thời ấy đều nghe tiếng và cũng có quả thật vậy chớ chẳng sai ngoa.

Ngài là một tay đại tài về nghề họa, điêu khắc, kiến trúc, văn sĩ, thi sĩ âm nhạc sĩ, kỹ sư, toán pháp sư, bác học gia, tạo vật học gia, triết học gia, luân hồi học gia, và .. đủ thứ nghề thuật gia, vì ngài hay bày ra lắm sự lạ, như máy móc, súng ống, pháo lũy, thành trì vân vân... Thật là lạ kỳ, một người mà có gồm đủ hết các nghề của nhiều người, mà nghề nào cũng hay cũng khéo thì trên đời thật là ít có. Chẳng phải thế mà thôi, người lại là một kẻ đẹp trai khôi ngô tuấn tú mà lại có sức mạnh như thần, là một tên lực sĩ hoàn toàn : một con ngựa chững dưng chạy sai, người cũng đón niếu lại đứng ngay, một miếng đồng chuông người bẻ cũng gãy tốt, mà còn tài cỡi ngựa múa gươm, khiêu vũ hay bắn cung thí võ cũng chẳng ai tài qua ngài được.

Ngài sanh hồi năm 1452 tại đền *Vinci*, gần thành *Florence*, ngài là con một người Nò te (quan Chưởng khế) tên *Piero*, mẹ người là bà *Catarina*. Cha ngài cũng là dòng dõi của một nhà mấy đời đều làm Chưởng khế, tưởng cho ngài sau này chắc cũng là lấy nghề ấy mà nối nghiệp ông cha, chớ không dè con lại có tài nghề quán chúng, vì lúc còn nhỏ tánh nết hay lung lẳng dờn dỗi. Lúc bé thơ cha ngài cho học với nhà danh họa điêu khắc *Andrea Verocchio* ; học ít lâu ông này thấy đệ - tử mình có khiếu thông minh khác thường, đã biết sau ắt còn đi xa lắm. Quả thật chẳng bao lâu trò đã khéo hơn thầy, khiến

cho thầy phải danh mờ mà bực tức, vì ngài không ngờ khi biểu Leonard vẽ bức tượng « Rửa nước Thánh đức Chúa » (Le Baptême du Christ) mà trở đả vang danh áng mất ngôi sao thầy. Bức tượng ấy nay còn để tại Hàn-lâm viện thành Florence.

Thấy tài mình càng ngày càng nổi tiếng mỗi khi ngài vẽ ra chung được một bức tượng nào, thì nhiều kẻ ganh hiềm ghét óg, ngài mới tính thể đi tha phương Ba mươi tuổi đầu, biết mình đã có chí có tài, ngài bèn tiến thân nhờ cậy một ông hoàng giàu có mạnh thế ở một châu thành kia, để bảo hộ cho mình rồi ngài viết một bức thư rất văn hoa mà thống thiết, hiển thân hiển tài mình cho ông hoàng xứ Milan là Ludovic Sforza.

Tại Milan ngài mới trở hết tài nghề khéo léo vẽ ra bức tượng « Trinh nữ đứng trên mỏm đá » (La vierge aux rochers) nay còn chung tại mỹ-thuật-viện Le Louvre; ngài lại tự làm kỹ sư, coi đào kinh đắp thành lũy. Ngài lại làm ra một con sư-tử hăng máy hiết đi. Lúc vua Louis XII nước Pháp đến thành Mi'an, ngài cho con sư-tử ấy đi đến trước mặt vua, rồi tự mở cái hông ra đưa cho vua thấy cái dấu hiệu nước Phansa (Ecusson de France). Ngài vẽ và tượng ra một cái binh to lớn của ông Ludovic Sforza cỡi ngựa. Đến sau ông hoàng Ludovic bị quân Pháp bắt cầm tù, thì Leonard Ha xứ Milan mà châu du khắp nước Ý Ngài ở tại thành Venise ít lâu làm kỹ sư cho Cesar Borgia rồi qua ở thành Florence đến năm 1500, ngài khởi công vẽ tấm tượng La Joconde là một cái kỳ quan của mỹ-thuật-viện Louvre, mà hồi năm 1912, bị chúng trộm mất làm cho nổi sóng dư luận, đến 2 năm sau mới tìm lại được, các báo thuở ấy bàn tán huyên thiên.

Năm 1503 lại có hiện thêm một kẻ kỳ tài về họa thuật nữa là ông Michel Ange, mấy nhà quyền quý ở Florence mới bày cuộc so tài của hai bậc kỹ sĩ, mười hai nhà ấy vẽ tranh tượng tại đền Palais Vieux. Nhưng tiếc thay những tượng ấy nay đã thất lạc dấu mất hết.

Leonard lần đến kinh thành Rome tìm đức giáo tông Léon X. Nhưng vì có kẻ dè n pha nên đức giáo tông tiếp đãi người một cách lạt lẽo. Người phải lưu lạc giang hồ cùng khắp các châu thành Ý quốc. Đến sau vua nước Pháp là François Ier nghe tiếng người mời rước về mà hậu đãi. Năm 1515 ngài đem theo mấy bức tượng qua nước Pháp, trong ấy có bức La Joconde mà bán cho vua François Ier giá bạc 8 ngàn đồng vàng. Đến đây ta nên biết cái chuyện đặt đều lúc tượng ấy bị trộm mất, vì họ nói bởi hồi xưa quân Pháp qua chiếm đoạt các tượng quý

của Leonard de Vinci mà đem về, nên bây giờ người Ý lên ăn trộm mà đem về lại cho «Châu về Hiệp phổ». Chớ thật ra thì chính tay ông Leonard de Vinci đem qua Pháp mà bán cho vua Pháp với một giá cao. Cũng vì thế mà tượng ấy có giá trị, chúng mới lên trộm đem bán đặng tiền nhiều.

Vua François 1er vốn chuộng người tài-sĩ, nên trọng đãi Leonard, cho ngài lương bổng huu trí, lại cho đến Cloux, gần nơi Amboise để về ở vui thú tuổi già. Tục truyền lúc ngài hấp hối, vua François 1er có đến tại giường bệnh ngài mà thăm viếng và khi tắt hơi ngài nắm tay vua. Truy ra thì tục truyền không đúng, vì lúc ấy vua François 1er còn ở tại Saint Germain.

Có một chuyện rất buồn thảm là ông Leonard de Vinci không có mộ phần. Xác ngài chôn tại thánh thất đền Amboise, mà thánh thất ấy đến sau bị một quan lãnh sự tên Roger Duros phá tan đi mất hết. Hai cốt ngài chôn đi qua thánh thất Saint Hubert mà táng lại, chung với nhiều người quá vắng vô danh.

Xem qua những tác phẩm của ngài ta mới thấy được tài ba lỗi lạc của ngài, mới rõ được ngài là một kẻ kỳ tài bác lãm. Ngài có làm bộ sách tựa là « *Traité de la Peinture* » bàn về họa thuật, in ra hồi năm 1651, trong ấy có bình của nhà họa sĩ trứ danh là ông Poussin. Còn phần nhiều tác phẩm của ngài đều chép tay. Nhà Pháp-quốc Thư-viện (Institut de France) có rất nhiều tác phẩm viết tay của ngài rất lạ, cả thấy đều viết lằng tay trái mà ngược lại trên những tờ giấy cao.

Đọc qua những sách ấy, người ta lấy làm thần phục cho cái trí một người bác lãm bách khoa : nào luận toán những bài kỹ-hà dựa với các thứ họa đồ, nào những hình vẽ của máy nhà kỹ sư lại với các khoa-học về mổ xẻ ; trong những giấy tờ của ngài người ta còn thấy lắm bài luận cao siêu về các khoa học không khi nào cạn lời, xét ra thì quả ngài là một người tiên bối dẫn lối của khoa học ngày nay. Trong tác phẩm ngài người ta có thấy ngài nghĩ ra cái lối bay của loài cò diều (loài chim) rồi tính bày ra đến máy bay và lại có vẽ kiểu chế một thứ máy bay nữa !

Vậy thì trong các khoa học không có một khoa nào mà lọt ra khỏi trí óc ngài, thì nghĩ ra một người mà biết chế tạo hình máy, máy móc, đào kinh, bắt cầu, đắp lũy, chế đòn tranh, và tượng khéo léo trên đời thì có khác gì một vị thánh, người thường đâu có thể được như vậy.

THANH TÂN thuật theo tạp chí « Thanh-niên Bách khoa thư » (Encyclopédie de la Jeunesse)

VỀ MỘT BÀI THI

Trong 2 số tạp-chí vừa rồi, có đăng đi đăng lại một bài thi, không nói rõ đầu đề lại nghi ngờ tác giả. Tự-trung còn nhiều chữ sai hẳn nguyên văn. Muốn đưa chút ánh sáng vào, tôi mạo muội góp thêm vài điều sở đắc. Bài thi ấy, tác giả đúng như ông Phan-Khôi trong Chương-dân thi-thoại là ông Lang-Rường một thi-bá của tỉnh Quảng-Nam đồng thời với Ông Ich-Khiêm thường kêu là ông Tiểu Phong-Lệ vì ông làm Tiểu-vũ-sứ người làng Phong-Lệ phủ Điện-Bang.

Ông Lang-Rường tên thật là Rường làm lang trung bộ Binh người làng Tiểu-Đòa tổng Hưng-Thạnh huyện Lệ-Dương phủ Thăng-Bình vốn bên ngoại quan cố Tổng-đốc Đỗ-hữu-Phương ở Nam-kỳ. Như cái chức lang trung, người ta kêu là Lang-Rường. Trong khi cầm quân đi đánh giặc Phan-dinh-Phùng ông Nguyễn-Thần người tỉnh Quảng-Nghĩa — sau có đại công được phò g đến tước Quận-công vào bực tư trụ Cánh-chánh điện đại học sĩ, chức Túc-liệt tướng nên thời như kêu là ông Cánh Quảng-Nghĩa có ý cũ tên chỉ kêu hám — đem ông Lang trung bộ Binh tức là ông Lang-Rường làm giám quân và ông văn võ kiêm tâu.

Một hôm đến đèo Hải Vân, cái quang ải hệ trọng như chia đôi ranh giới hai tỉnh Thuận-Quảng — Thuận-Hóa (Huế) và Quảng-Nam — ông Lang Rường lên ông Nguyễn Thần lên chốt ải đề ngao du phong cảnh vì Hải-Vân quan có tiếng là nơi núi non hùng vĩ. Quân luật rất nghiêm, chỉ vì ông Lang Rường có tâm hồn thi sĩ nên mới dám liều mạng làm chuyện trên. Bởi thế 2 câu kết thúc mới có giọng mỉa mai, ý nói sợ bọn tẩn công đâm thọc với chữ soái rằng ông lên ra ngoài vòng quân mà mang họa. Phải hiểu tâm sự thi như mới thấu rõ chỗ dụng ý ấy. Như vậy bài thi trên đây là : Hải Vân quan túc công tác giả là ông Lang Rường với nguyên văn :

Ủy chà cao ! Ủy chà cao !
Trèo lên thử thế nào !
Đặt khách xoài đâm đọt
Rầy mọi bấp phoi bao.

Suối khây đờn thập ngộ
Chim nói chuyện tam phao,
Mau mau chơn bước xuống
Kẻo mắc lủ tâm phào!

Thề thi này là nhứt quán hạ, thuận miệng đọc luôn một hơi chớ không «thời xao» từng chữ như thi của Đỗ Phủ đời Đường. Lời thi đã lưu loát, ý thơ lại dồi dào đáng là một bài thi hay được truyền tụng chỉ tiếc tức cảnh Hải vân quan mà không có câu nào để người đọc thấy rõ cảnh ấy. Ta có thể lầm với chăng hạn là miền nào, miệng nơi ấy phải có hòn núi cho thật cao như là Hải vân quan thì được!

Tôi khi thiếu thôn thường ham đọc thi quốc văn nên thấy rõ chú thích và nguyên văn trong tập di cảo của ông Lang Rường, bà con xa với tể-huynh tôi.

Tôi không thể lầm là của một người nào khác, vì tập di-cảo ấy hiện nay đang còn chép bằng chữ nôm có đóng bìa sim chắc chắn.

MỘNG-TIÊN

PÉTAIN CÁCH NGÔN

A-ĐÔNG TRIẾT-LÝ HIỆP-GIẢI

Soạn-giả : **ĐẶNG-THỨC-LIÊNG và HỒ-VĂN-TRUNG**

là một quyển sách có nhiều câu cách ngôn của Thống chế Pétain. Mỗi câu cách ngôn ấy đều có câu triết lý của bậc Thánh Hiền Á Đông, phiên đối bằng Hán văn, Việt văn và Pháp văn. Lại cũng có lời phụ giải chung, thật rõ ràng

Sách in khéo, bìa đẹp, khổ lớn, giấy tốt

dày 120 trang, Giá : Giấy thường 1.50
Giấy tốt 3.00

Mua sĩ sách và tiểu thuyết có huê đồng nhiều, xin thương lượng với : **BỒ-VĂN-KỶ-TRẦN**

Quản lý Nhà xuất bản «**ĐẠI VIỆT**»

5, Rue de Reims — SAIGON

TRƯỜNG HẠN GA

Ba khúc thanh bình, Trích tiên tử,
Một thiên trường hận, Pách thi nhơn,
Ngậm ngùi thương kiếp hoa dang dở
Đang giữa chừng xuân thoát gảy cành

**Thiên trường địa cửu hữu thời tận
Thử hận miên miên vô tuyệt kỳ.**

(Trường hận ca)

DỊCH : Trời đất dài lâu còn lúc hết.

Hận này dằng dặc thưở nào ngu.

Lạc-Thiên ngược đầu đọc trên cổng chùa rồi bảo bạn :

— Đây là chùa *Tiền-Du*, chúng ta hãy vào vấn cảnh chùa và nghỉ chơn đêm nay.

Chùa cất trên một đồi cao chỉ-chít những thông. Đứng trên chùa nhìn xuống, giòng sông nhỏ nhỏ chảy về phía đông ép mình vào hai dãy núi cao mây vương mù mịt.

Bấy giờ trời đã về chiều, sắc trời dịu dịu, cánh đồng cỏ xanh mượt dưới chân đồi điểm hoa trắng trắng bắt đầu nhuộm màu vàng lợt.

Đôi khách lữ hành lần bực thang lên chùa yết kiến sư cụ để xin nghỉ nhờ đêm nay.

Ánh trăng thượng tuần mờ mờ nhìn bầu rượu to đã sắp cạn. Thỉnh thoảng, theo ngọn gió xuân lạnh lạnh, vài cánh mai vàng lả tả gieo mình trên bầu rượu, rơi cả vào trong hai chén rượu đang lưng. Tự giòng sông, một giọng hát lạnh-lạnh bay lên ba khúc Thanh bình của Trích-Tiên thi tử.

Vân tưởng y thường, hoa tưởng dung,

Xuân phong phật hạm, lộ hoa nung,

Nhược phi Quần-ngọc sơn đầu kiến,

Hội hương Dao-đài nguyệt hạ phùng.

Nhất chi nùng diêm lộ ngưng hương,

Vân vũ Vu sơn ưởng đoạn trường,

Tả vần Hán cung, thùy đặc tự,
Khả liên Phi-Yến ý tán trang.

Danh hoa khuynh quốc lưỡng lưỡng hoan,
Thường đặc quân vương đại tiểu khan,
Giải thích Xuân phong vô hạn hận,
Trầm hương đình bắc ỹ lan can.

Mây như xiêm áo, dáng như hoa
Làn gió xuân lay, hạ' móc sa,
Nếu chẳng đầu non Quần-ngọc gặp,
Thì Đai-dao hội dưới trăng pha.

Một cảnh hoa chữu đầm mùi hương,
Mưa gió Vu sơn luống đoạn trường,
Hồi thử Hán cung ai diễm 'ê,
Có chẳng Phi-Yến bởi tổ trượng.

Đôi hoà nghiêng nước mĩm môi tươi
Cho đấng quân vương mãi mãi cười,
Tan tác sầu Đông theo gió thoảng,
Trầm hương đài Bắc tựa lan can.

Trong lúc ấy, cây Hải đường bên biên chùa nghiêng mình
là ngọn xuống giòng sông, — giòng hoa yêu quý của Dương-
Thái-Chân — hình hiện cả một thời xưa, một người xưa danh
sắc :

« Hồi đời Khai nguyên, bốn biển thái bình, Đường
Minh Hoàng trị vì đã lâu năm mỗi một, ủy giao cả việc chính
cho Hữu Thừa tướng chăm nom, bằng ngày yến ẩm làm vui.

Nguyên khi trước trong cung có Nguyên Hiễn Hoàng hậu
và Võ-Phục-Phi được ân sủng như, nhưng lại tiếp nhau chết
hết còn lại cung nữ trót ngàn mà chẳng ai vừa mắt nhà vua.
Mỗi năm cứ đến tháng Mười Minh Hoàng ngự chơi Ba thanh
Cung, các bà Mạng phụ trong ngoài tấp nập theo hầu nhà vua
ngự tắm nơi suối Ôn Toàn cũng ở cung ấy. Trong khi tắm vua
để ý đến con gái nhà Dương nguyên Diễm, tuổi vừa cập kê
không thua Lý phu như đời Hán, một mặt đang gội rửa nơi
Thanh-tĩnh đang kia. Vua truyền Cao lục sĩ vờ vào cung;
Dương thị tấu khúc sở trường là Nghê thương Vũ y, làm tiêu
hồn người trên tiệc. Vua đẹp lòng lắm; năm sau phong làm Quý-
Phi bản hậu. Trong triều ganh ghét, thiên hạ quở quan, cho nên
có câu rằng :

« *Sanh Nam vật hĩ, Nữ vật bi, quân kim khan nữ tác môn mi* ».

Qua năm Thiên bửu, anh Dương qui-phi là Quốc-trung, đoạt chức Thừa-Tướng, y thế lộng quyền Đền chừng An-lộc-Sơn cất binh, lấy tiếng đánh họ Dương, quân Triều thất thủ ngoài Đông-quan. Vua phải bỏ Hàm Dương ngự về phía Nam, đi đến gò Mã-ngôi lục quân không chịu tiến tới. Các quan họ già xin chém đũa gian nịnh để tạ lòng người. Dương quốc Trung bị giết giữa đường, nhưng quân sĩ chưa bằng lòng, xin giết Qui-Phi mới chịu. Minh Hoàng đành để cho Qui-Phi tự tuyệt bên đường.

Năm sau yên giấc mà lòng vua buồn lắm. Ba năm sau có người Đạo sĩ xin vua cho đi tìm Qui Phi và gặp nàng ở « Ngọc phi Thái chân viện. » Ngọc Phi bùi ngùi nhắc chuyện cùng Vua lúc xưa thề nguyện với Ly-sơn Cung, rồi gởi cho Vua kim xoa để hợp làm tin.

Sứ giả về lâu, Vua càng sầu não, qua mùa hạ năm sau yểu già !

Nghe tiếng hát, nhớ chuyện xưa, hai người đều cảm thán. Bạn rót rượu mời Bạch Lạc-Thiên :

— Một việc biếm có trên đời, chẳng gặp người tài từ nhuận sắc, để cho tiêu một cùng tuế nguyệt, chẳng còn dấu tích gì về sau, thì uổng lắm. Bạn bình sanh là người đa tình, xin hãy thử mượn lời ca mà ghi lấy tích để lưu về sau.

Cư Di vâng lời bạn, nâng chén rượu lên môi.

Thế là thiên diễm tuyệt đã thành.

Năm nay là năm Nguyên hòa. Và từ đây, cùng với ba khúc Thanh-bình của Lý thái Bạch, Trương hân cạ sẽ lưu truyền thiên cổ.

NGOC NHON

— Saigon —



Đến tuổi của ta đây, nếu người ta đã hiến thân cho nước rồi, thì chẳng có cái hy sanh nào mà người ta tính từ chối. Chẳng còn cái nghĩa vụ nào khác hơn là nghĩa-vụ cứu-quốc.

Thượng tướng PÉTAIN

GIÚP VIỆC ĐẠI TANG NGHI

(Tiếp theo)

1) Cung Gia-Thọ là cung của đức Từ-Dũ ở. Khi đức bà mất, thì hai ngài Hoàng Thái hậu, Hoàng Thượng cùng Hoàng thân và các quan Đại thần đều có mặt ở đó. Làm lễ tảo liệm rồi, phụng quan cữu đề tại căn giữa cung Gia-Thọ.

IX

Đến ngày thành phục (1) lễ dựng võ.

Tang chế Vua quan vải trắng thô.

Bộ xướng «cữ ai» vừa mới dứt.

Rền trời một góc tiếng «Ồ Hô!»

1) Quan Khâm thiên - giám coi được ngày thành - phục. Bộ lễ tâu lên cho Lương Tôn cung và Hoàng Thượng biết. Đến ngày, Vua và chư công Hoàng tử. Văn võ triều thần đều tụ tại cung Gia Thọ làm lễ thành phục. Khi Bộ lễ xướng : «Tấu cữ ai». Thì trên từ Vua dưới đến trăm quan đều cất tiếng lên khóc «Ồ Hô !! Ô Hô !!!» cho đến lúc xướng «tấu ai chi» mới nín.

X

Mỗi ngày ba bữa trước linh sán (1)

Điện lễ thay vua có đặc quan

Xem chững khác nào như buổi sống.

Luân phiên châu chực rất nghiêm trang.

1) Mỗi ngày cúng 3 bữa, có Hoàng thân thay mặt cho Hoàng thượng đứng cúng, và có Nữ quan, Thái giám châu hầu nhang đèn.

XI

Tang nghi (1) các món đã làm xong.

Khiêng sắp đem ra để một giòng

Cái chạm cái thêu tay thợ khéo,

Có quan Đồng lý xét xem rông.

1) Tang nghi là các món đồ dùng để cất đấm như là Đại linh dư, Tiểu linh dư, Giá triệu Long-Jinh, nhà minh ký v. v... Làm toàn đồ mới, sơn son phết vàng, thêu phụng vẽ rồng thật là đẹp; có quan Chánh Phó Đồng lý xem xét cho các thợ làm. Lúc ấy quan Thượng-thư bộ Hình, tri sĩ Nguyễn-Thuyết sang làm chức Đồng Lý.

XII

Xa giá Hai cung ngự đến coi. (1)

Đồ tang khen được đáng vàng thoi.

Vui lòng thầy thợ còn hăm hờ.

Rán sức làm cho khéo hẳn hoi.

1) Đức bà Trang-ý và đức bà Hoàng-thái-bậu (Mẹ của đức Thành-Thái) ngự đến xem các món của thợ làm coi khéo không. Hai ngài có lời ban khen, thợ thuyề càng hăm hờ.

XIII

Linh bà Trang-ý có lời ban.

Xin rán làm cho được vẹn toàn

Chớ vị tiền tài mà « lòn tiết » (1)

Muỗi lòng chín suốt đức tiên Hoàng (2)

1) Đức bà Trang-ý có lời sắc ; « Thận vật tòn tiết » nghĩa là ghin chớ bớt dè ; ngài dạy phải làm kỹ lưỡng hẳn hoi, đừng có hà tiện đồng tiền mà làm không được tử tế. 2) Tức là Vua Tự-Đức.

XIV

Thánh Hoàng truyền dạy (1) ở trong đền.

Công việc xem dường gấp một bên.

Thức trọn đêm trường không nhắm mắt (2)

Chép xong « Nghi chú » để dâng lên.

1) Hoàng thượng phê quở quan Thượng thư bộ Lễ lúc bấy giờ « quan chức » nghĩa là làm việc bê trễ như người bệnh hoạn. 2) Ký già được vào giúp việc tang nghi ở bộ Lễ, thức suốt một đêm chép cho rồi hồn nghi chú dâng lên cho Hoàng thượng ngự lãm. « Nghi-chú » cũng như chương trình mà nói kỹ hơn.

XV

Sách, Bửu (1) đem dâng trước án tiền

Tôn Bà huy Hiệu chữ « Nghi-Thiên » (2)

Vua quan văn võ hai hàng lay,

Một tấm lòng thành thấu cứu nguyên !

1) « Sách » tức là kim sách (vàng cán mỏng đóng như cuốn sách, có chạm chữ ở trong đó). Thê sách (thêu chữ vào tờ vàng). Mộc sách (khắc chữ vào ván bạch đàn). Kim sách để thờ, mộc sách để đốt, Thê sách để trên Lãng. Bửu là ấn. Kim bửu đúc bằng vàng. Thê bửu thêu chữ kim tuyến. Mộc bửu khắc vào cây, có mấy chữ : « Nghi Thiên Chương Hoàng hậu chi bửu ». Kim bửu để thờ. Mộc bửu để đốt. Thê bửu để trên lãng. — 2) Tức là « Nghi Thiên Chương Hoàng hậu » có viết một bài sách văn bằng chữ Hán, chạm khắc thêu vào các sách kể trên.

XVI

Cơ binh giàn giá rất oai nghi.
Tổng Hộ hai quan lập Đạo tùy (1)
Trăm sáu dư-phu đều ngậm thề (2)
Thấy cờ hiệu lệnh biết mà đi.

1) Tổng hộ-sứ, cũng như ta gọi là Nhượng-quan. Hai quan vào võ đại thần sung làm Chánh phó Tổng-hộ sứ. Lúc ấy quan Thượng-thư bộ Hộ Trương-như-Cương làm Chánh tổng hộ sứ và quan Đô-thống... làm Phó tổng hộ sứ. 2. Dư phu là lính khiêng Đại linh dư, cũng như ta gọi là Đạo tùy. Mỗi tên lính khiêng phải ngậm thề nơi miệng, (không cho nói chuyện), khi khiêng đi thề nào, thì quan chánh phó tổng hộ ra hiệu lệnh bằng cây cờ nhỏ cầm nơi tay, chớ không gõ sanh hay là nói.

XVII

Đường bộ, đường sông cũng có thần (1)
Vua còn phải tế ngựa là dân.
Mỗi nơi, đều một con bò đực
Cùng vái xong xuôi cất biểu phần.

1) Trước khi Ninh-lãng một ngày, bộ Lễ có phải quan thuộc viên đi tế thần Đạo lộ và tế thần Hà-bá. Mỗi chỗ tế một con bò đực. Khi tế rồi thì 2 con bò ấy cất biểu phần cho các người giúp việc ở bộ Lễ.

XVIII

Các vị Đường quan các tỉnh ngải,
Về kinh « khâm-điểm » (1) lạy đưa ngải.
Tổ lòng ngay thảo cùng tời chúa,
Đường xá xa xuôi cũng chẳng ngại.

1) Các quan Đốc, Phủ, Bô, Án ở các tỉnh Trung Bắc-kỳ đem lễ phẩm về cúng, gọi là khâm điểm.

XIX

Trống lâu Ngũ-phụng (1) chữa tàn canh
Sửa soạn trong cung lễ phát hành.
Chấp sự các quan đều kính cẩn.
Từ-cung (2) nâng chậm chậm ra thành.

1) Trên cửa Ngọ-môn (Hoàng thành) có 5 cái lâu gọi là Ngũ phụng lâu. Đầu canh năm là lễ cúng tế, đến gần sáng mới phát hành, phải phá hết một khoảng thành trước cửa cung Gia-Thọ, để rước Từ-cung ra, vì cửa nhỏ đi không lọt. 2) Hòm của Vua hay là Hoàng-hậu thì gọi là « Từ cung », nghĩa là cái hòm đóng bằng gỗ cây Tử. Vì khi Hoàng đế tức vị thì đóng hòm để sẵn, nên có câu tục ngữ nói : « Tức vị tại quan » và mỗi tháng hay là mỗi năm phải sơn phết lại một lần.

(Còn nữa)

TRƯỜNG-TÂN-THI

III. - CỎ HY-LAP (Hellade)

THÀNH TU-BA-ĐẠT VÀ NHÀ-ĐIÊN

(Tiếp theo)

SAU khi đại thắng, vì thành Troie bị đốt phá (1.270 trước Tây lịch kỷ nguyên) nên chỉ có một phần ít vụn vặt vào thành, còn thì xiêu lạc khắp nơi. Lúc ấy có một vị anh hùng tên Ulysse, người xứ Hy - Lạp đi phiêu - dạt vào những biển hồ và đất địa xa lạ. Lắm lúc ông phải bị lũ quỷ quái bắt, khi lại vào tay những bà phù thủy. Nhiều lúc ông phải chịu trôi nổi trên biển cả sau một trận bão. Tuy vậy nhờ có chí thông minh và kiên nhẫn, nên ròng rã có 10 năm trời, ông mới được trở về cố quốc.

Trong lúc Ulysse đương bị phiêu dạt lưu lữ ở nơi đất địa xa lạ như thế, thì vợ nhà là Pénélope bị nhiều kẻ cường bạo bắt làm vợ. Nhưng nàng quyết thủ tiết với chồng mới bày ra một mẹo là hẹn với những kẻ háo sắc ấy rằng : chừng nào nàng dệt xong tấm vải mà nàng đương dệt hiện thời, thì chừng ấy nàng mới chọn người làm chồng. Nhưng khi nàng vừa dệt xong tấm vải lúc ban ngày, thì ban đêm nàng lại tháo ra. Và, cứ thế mãi cho đến chồng về, nàng thuật cả tình hình ở nhà cho Ulysse nghe. Người chồng că giận mới mang binh khí đến giết cả bọn háo sắc ấy, rồi sau lại lên làm vua tại cũ Ithaque ở Ionie.

Những truyện tích này được chép và thêu thùa bày vẽ thêm trong hai tác phẩm Iliade và Odysseé do nhà thi sĩ trứ danh Homère mà đã có hơn 3.000 năm ai ai cũng lấy làm sung bái và thích đọc, cho là những thiên anh hùng ca bất hủ trong thi đàn.

Homère vốn là một thi sĩ già dui cứ hằng ngày đi từ thành thị này đến một thành thị khác, với một giọng trong trẻo du dương ông hát vang những thiên anh hùng ca ấy. Mãi cho đến ngày nay tên tuổi ông và tác-phẩm của ông vẫn được nhiều người hoan nghinh và truyền tụng.

Bằng một lối văn điệu luyện hay từ cách tả cảnh, tả người cùng những câu chuyện lý thú, hai tác-phẩm ấy được biểu lộ

một cuộc sống mạnh mẽ dồi dào và là một bức tranh linh hoạt, để trình bày một phong tục của dân Hy-lạp thời cổ.

Trong những thị trấn ở Hy-lạp chỉ có thành Tư-ba-đạt (Sparte) và Nhã-diễn (Athènes) là hai thị trấn to lớn và danh tiếng nhất. Nhưng cách phồn-thịnh của hai thành này lại khác hẳn. Cả đến luật - pháp, tinh cảm và cuộc sinh hoạt cũng không chút gì giống nhau.

Thành Tư-ba-đạt (Sparte hay Lacédémone) là một thị trấn xây lập trên một doi đất ở về phía Nam đảo Péloponèse do dân Doriens. Dân này trước ở miền Doride (1). Theo tục truyền thì dân Doriens lập thành một bộ lạc trong những bộ lạc của giống Hy-lạp đời Thái-cổ, sang xâm chiếm đảo Péloponèse.

Vì địa thế hẹp hòi và bất tiện trong cuộc thông thương, nên thành phố này ít có người ngoại quốc sang đến. Dân thành phố này không mong lo về sự giàu có, cũng không thích những cuộc vui chơi, cả những cuộc vui chơi cao thượng có bổ ích cho tinh thần. Đối với sự thương mại và kỹ nghệ, họ cho là tầm thường mà không cần quan tâm đến. Chỉ có một điều cần yếu trong cuộc trị an và làm giàu mạnh cho dân tộc là do ở sự võ lực và binh khí.

Vốn một xứ chuyên về sức mạnh ở gươm giáo và võ trang, nên cách tổ chức dân chúng lại có phần khác hơn những nơi khác. Vào thời ấy có ông Lycurgue vốn được người kính trọng, vì được du lịch nên thu thập được nhiều điều mới mẻ ở khắp nơi. Bởi thế khi trở về quê hương, ông lập ra một đạo luật để cai trị và huấn luyện quần chúng. Luật ấy gọi là luật Lycurgue (Lois de Lycurgue).

Vì có phải một đạo luật nghiêm khắc về võ trang như thế, nên những đứa trẻ con xứ Tư-ba-đạt đều hoàn toàn là những phần tử của tổ quốc. Bởi quá thiên về sức mạnh của thể chất, nên đứa trẻ con nào lúc lọt lòng mẹ mà hình thù trông đáng suy nhược hoặc đã sẵn tật nguyền, thì đều bị cha mẹ khinh chê ghét bỏ hay đem giết chết đi. Nhưng trái lại, khi thấy chúng có chiu khoẻ mạnh, thì cha mẹ chăm nuôi rất kỹ cho đến 7 tuổi, mới cho vào nhập ngũ để huấn luyện cho chúng được một đức tính can đảm và chịu đựng được sự khổ nhọc.

Người ta cho chúng ăn chung nhau trong một cơ binh. Và những buổi ăn thì chỉ cho dùng những món ăn sơ sài. Chúng nói chuyện ít, nhưng toàn bằng những lời gọn và cương quyết cả,

(1).— Một miền ở Cổ Hy-lạp về phía Nam miền Thessalie.

Người Tư-ba-đạt lại không được giàu cảm tình đối với cha mẹ cả đến vợ con, cũng không được tỏ ra một thái độ nồng nàn say đắm. Phụ nữ cũng chịu một giáo dục như thế là bao giờ, trong những cảnh trạng nào, họ cũng tỏ ra một thái độ anh thư cương quyết cả.

Đối với con, người mẹ xứ Tư ba-đạt chỉ có hai điều nguyện là con được thắng trận, không thì chết. Như thế mới vẻ vang và như thế mới được tròn nhiệm vụ đối với tổ quốc.

Song le, một dân tộc nào cũng vậy, nếu quá thiên về võ trang và sức mạnh của một cơ thể cường tráng, thì bao giờ cũng không phải không có tính hung bạo. Vả lại, cuộc đời của họ là cuộc đời của bọn lính tráng vốn say máu người ở chiến trường, nên họ thường gây ra những cuộc chiến tranh, thường tàn bạo đối với bọn nô lệ dưới tay.

Dân tộc ở thành Nhả - diên lại khác. Thành này vốn chiếm cứ một vùng bình nguyên Attique, đất địa khô ráo rất tiện lợi trong sự nông nghiệp. Nơi đó sinh sản được nhiều loại trồng ngũ cốc như lúa mì, olives, nho, cây vả (figuiers) v. v... Gần đó có núi Hymette. Trên đấy rất có nhiều hoa thơm, thật có ích lợi cho loài ong trong sự gây mật.

Acropole là một thành thị của Cô Nhả diên cất trên một hòn đá to lớn bề cao đến 49 thước rưỡi. Trên ấy có nhiều đền thờ những thiên thần và tượng của vị nữ thần Minerve là thần bảo vệ cho dân tộc Nhả diên và cũng là một vị nữ thần can đảm và khôn ngoan.

Ở thành Nhả diên có nhà hiền triết Solon (640-558 trước Tây lịch) là một trong 7 ông hiền xứ Hy Lạp. Ông vốn là người lập ra một luật pháp cho thành Nhả diên. Ông đánh thức được tinh khí của dân tộc và giúp đỡ kẻ nghèo, đồng thời kiến thiết nền dân chủ.

(Còn nữa)

QUANG-PHONG

RUONG VÀNG CỦA CON TÔI

MỸ-ẨM TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG

(Tiếp theo)

Người trên xã hội thì nữ nay tiểu hơn thì nhiều, quân tử thì ít, thượng lưu thì ít, hạ lưu thì nhiều. Ta đối với trang quân tử thượng lưu, thì vẫn nên thân nên kính, để tìm đường khai trí tiến đức, hòng trông sự có ích cho mình, mà dầu mình có làm lỗi điều chi, thì quân tử cũng đem lượng khoan hồng mà dung thứ cho mình, chớ chẳng nở chấp trách. Cho nên giao tiếp với người quân tử, thì miễn hết lòng chờ thành cho phải lẽ là được, chớ chẳng có chi là khó xử. Cái bề khó xử chỉ ở chỗ đối đãi với kẻ tiểu hơn hạ lưu mà thôi. Bởi vì hễ là kẻ tiểu hơn hạ lưu nó như lò kim chẳng dung được vật ; lòng nó như gai gổc, thường nghị hại người ; thân nó như tranh lợp trên mái nhà, gặp gió hèn bay, chỉ muốn sanh sự ; mưu nó như gạch kê trong núi, lắm cách nham hiểm, khó biết mà lường. Đem cái thái độ chánh trực công bình như từ diễm tịnh của người quân tử trái hẳn với họ mà tiếp ứng với họ, thì thật khó lắm thay. Mà đã nói tiểu hơn hạ lưu là nhiều, thì lúc nào cũng có, chỗ nào cũng có : trong xóm vài ba nhà, trong lối anh em bốn năm người, chẳng khỏi có kẻ tiểu hơn trong phái hạ lưu lộn vô đó ; hằng ngày sớm mơi thức dậy đã ngó thấy họ, đi ra một bước đã bắt gặp họ ; người ta ở đời không thể đứng một mình được, thì có thể tuyệt nhiên không giao thiệp với kẻ tiểu hơn được sao ?

Hướng chi tiểu-hơn cũng là giống trời đất sanh ra, quyết không có lý gạt hết được. Vả lại, trời đất sanh ra kẻ tiểu-hơn mà xen lộn vô với người quân-tử đó, tự có ý sâu xa ở trong. Lẽ tự nhiên, ít thì quý hơn nhiều, sanh ra nhiều tiểu-hơn, là làm tôn cái địa-vị và giá-trị trong số ít của quân-tử; ấy là lẽ thứ nhất. Con người ta có từng trải đường đời, khó khăn nguy hiểm, mới mài dũa cho trở nên tài đức hoàn toàn, thì kẻ tiểu-hơn đem thái độ hẹp hòi hung-hiêm mà thi bành ra, tức là để làm con dao dũa, cục đá nhám mà mài dũa cái tánh chất ngọc đá xương sừng của quân-tử, cho thành món đồ hữu dụng vậy, vì có phải mài trải, mà nuôi nên cái tri

khôn lành, ấy là lẽ thứ nhì. Còn lẽ thứ ba, sanh ra bọn hạ lưu là dùng làm nô-lệ cho người thượng-lưu, lẽ tất nhiên là phải nhiều mới đủ cung cấp cho thầy sai khiến việc thường, thì bao nhiêu trí lực của kẻ tiểu-nhơn đều là tài liệu phục dịch cho người quân-tử đó.

Hiểu ý sanh người của trời đất, thì quân tử đối với tiểu-nhơn chẳng nên ganh ghét làm chi, Đức Khổng-tử dạy rằng : « Đối với cái người bất-nhơn, mà ghét nó cho lắm, là mối loạn đó ». Chẳng nên ghét nó cho sanh mối loạn, mà lại phải ở chung với nó, phải giao thiệp với nó, thì phải làm sao ? Hễ là kẻ có trí khôn biết người, có cơ quan đàn áp người, như là có thuật giá-ngự người, thì đối với kẻ tiểu-nhơn, chẳng những nó không gia hại được mình, mà mình còn lợi dụng được nó nữa !

Ấy là bàn cho cạn lẽ như vậy, chớ ở lòng đạo đức của người quân-tử, thì vị tất đã có định tâm lợi dụng như vậy, chỉ miễn là khéo trị cho tiện toan mà thôi. Người quân-tử xử đời, duy có cái đạo khéo trị kẻ tiểu-nhơn : cao hơn nhất là tiêu trừ cái tánh chất tiểu-nhơn đi, nghĩa là dạy cho nó biết cảm hóa mà hồi tâm lương thiện : thứ nhì là lấy lượng dung nó, lấy đức nhún nó, thì nó không có lý gì phản đối được mình, không có cơ nào ác cảm với mình ; còn tranh luận với nó là kẻ thấp vô cùng, vì tranh luận với kẻ tiểu-nhơn thì có nổi được sao, mà ngó lại mình thì còn gì là thái độ quân tử ?

Cho nên giao thiệp với kẻ tiểu-nhơn, thì chỉ có bốn chữ *Tâm khí hòa bình* làm cốt đi được bao nhiêu chuyện lời thôi rắc rối. Vì họ thấy mình tuyệt nhiên không so sánh với họ, thì lòng họ ắt cũng tự phục, khi họ ắt cũng tự tiêu ; còn nếu mình chấp cái lòng thô hào, tiếp họ cái khí ngạnh khái, thế tất cả hai đảng đều không chịu phục, mà rốt cuộc mình so sánh với tiểu-nhơn thì mình cũng là tiểu-nhơn vậy ; cái bề lấm lòi là phần nhiều ở về nơi mình.

Phàm gặp chuyện ngang trái nó lại xâm phạm mình, trước hết suy nghĩ cái nguyên-nhơn bởi sao xảy ra, kể rồi thững thảng kiểm lấy phương pháp xử trí cho rồi chuyện chớ chẳng nên nóng nảy mà đòi phó bằng một cách hung hăng. Nếu nóng nảy hung hăng thì một bề là lọt vào quĩ kế của kẻ tiểu-nhơn, một bề là hư mất giá trị của người quân tử. Dầu cho là chuyện vô cơ mà kẻ tiểu-nhơn dám đem sự phi lý lại xâm phạm mình trong đó ắt có điều ý thị, nếu mình không dẫn lòng dung nhẫn thì họa hoạn sẽ mang vào mình.

Hễ là người quân tử thì vẫn nên tránh xa kẻ tiểu nhân, lại cũng chẳng nên tỏ ý cứu dich ra mặt. Có khi cực chẳng đã mà phải giao thiệp với họ, cần nên : ngoài thì hòa dịu về mặt, trong thì bình tĩnh tấm lòng làm ra bộ tánh người tự nhiên không để ý chuyện gì ngổ hầu khỏi mang vạ với họ. Thẳng hoặc có chuyện chi trình linh xảy tới, thì thông dong mà xử. việc đã qua thì bịt miệng không nói tới nữa, khiến cho cả hai đảng đều quên đi hẳn, thì họ không dễ dā cảm hờn. Cho nên nói rằng : « Phòng kẻ tiểu nhân nên nghiêm đải kẻ tiểu nhân nên khoan », ấy là đạo cốt yếu đối với kẻ tiểu nhân của người quân-tử.

Nói về đạo thông thường đối với các hạng người trên xã hội cũng có nhiều cách, phải tùy theo từng hạng mà đối đãi cho hợp nghi. Xử chi địa-vị hiem-nghi, tâm-tích càng nên rõ ràng ; gặp người bạn tác cố cựu, ý khí càng nên mới mẻ ; đải bọn hũ-tục, tình lễ càng nên long-trọng ; đối kẻ lãng-mạn, từ-khi càng nên hùng-hồn. Họa hoạn chẳng gì lớn hơn là mình chẳng phải cứu-nhơn, mà mình lại có cái từ-sắc cứu-nhơn ; sĩ-nhục chẳng gì lớn hơn là mình chẳng phải ân-nhơn, mà mình lại làm ra trạng-thái ân-nhơn.

Giso-tiếp với người, rất nên cẩn-thận về lời nói tiếng cười. Thuở nay ta thường thấy những chuyện nhơn một lời nói, một tiếng cười mà gây nên mối cừ thù hiem khích. Cho nên ở giữa chỗ công chúng, chẳng nên đem câu chuyện riêng mà thì thầm to nhỏ với nhau, hay là ngo mặt người kia mà ghé tai người nầy nói câu chuyện riêng rất dễ khiến cho người ta khởi lòng nghi hoặc. Nhứt* là đem những tiếng long-tiếng lạ mà nói chuyện với nhau tại giữa chỗ công chúng, thì lại càng dơ-dáng đại-bình ; giả tỷ như trong đám công chúng là xã-hội Annam, phần nhiều không hiểu tiếng ngoại quốc, thế mà một vài người đem tiếng Tây tiếng Tàu mà nói chuyện ; cái lỗi đó một là tỏ ý làm bộ khoe mình lịch duyệt, học rộng, hai là làm cho kẻ khác nghi-hoặc rằng mình nói hành nói xấu, hay là mưu sự phẩn lại họ, rồi cái mối thù ghét đều bởi đó mà xảy ra.

Đối với người trên mình một bậc trở lên, vẫn phải giữ lễ khiêm-nhượng, nhưng chẳng nên quá về ý thấp lún bung - bợ, mà mất thể diện trượng phu. Đối với người bằng bậc ngang hàng, vẫn qui hồ trao tình thân yêu, nhưng chẳng nên quá về bộ niềm-nở lá-lori, mà lỗi thái độ quân-tử. Còn đối với kẻ dưới mình một bậc sắp xuống, vẫn nên hòa dịu, nhưng cũng cần phải có lễ tiết cho họ khỏi hờn. (Còn nữa)

ÁI-TÌNH MIẾU

TIÊU-THUYẾT CỦA HỒ BIỀU-CHÁNH

(Tiếp theo)

CHỊ Mỹ ơi, tôi phải làm sao bây giờ? Vì buồn rầu quá tôi chịu không nổi nữa, nên tôi phải viết thư này cho chị. Xin chị làm ơn chỉ giúp đường cho tôi đi.

Tôi có nên tự vẫn mà chết phứt cho rồi hay không?

Hay là đầu thế nào tôi cũng phải giữ lời hứa với chồng tôi, nghĩa là rán lo đổi tâm hồn áo nảo của chồng tôi ra tâm hồn hi lạc?

Hay là tôi phải có gan làm việc đại đức, nghĩa là dụ chồng tôi xuống ở dưới Saigon rồi lập thế làm cho chồng tôi sum hiệp với cô Hạnh, đừng chớng tôi hết áo nảo tương tư nữa?

Tự tử thì khiếp nhược. Mà đời đã hỏng rồi, còn tiếc sự sống làm chi?

Làm theo lời hứa thì tôi đã làm đủ cách rồi mà không thấy công hiệu, bây giờ biết làm sao nữa?

Còn nhượng người yêu lại cho kẻ khác thì khi-khái thiệt. Cha chã, mà vì nghĩa đoạn tình là một cử chỉ tối cao, tôi có đủ can đảm mà làm hay không?

Chị Mỹ ơi, bữa nay trí tôi bối rối thái thậm, tôi hết biết đường nào là đường phải, đường nào là đường quấy nữa rồi. Chị bình tĩnh, xin chị đưa tay diu dắt giúp cho tôi đi, xin chị chỉ giúp cho tôi biết trong mấy đường tôi kể trên đó, đường nào là đường cao thượng chơn chạch tôi phải noi theo mà bước tới.

Xin chị trả lời mau mau. Tôi trông thư chị lắm.

Theo tâm hồn của tôi bây giờ, thì tôi tiếc cái tình của chồng tôi hơn sự sống của tôi. Xin chị đo tâm hồn ấy mà liệu định giúp cho người bạn vô duyên bạc phận là

LÝ

Lúc Phúc đứng đọc thư thì Trương đi bách bộ dài theo hàng sấu-riêng mà chơi.

Phúc đọc dứt rồi thì nước mắt tuôn đầm dề.

Trương thấy vậy mới đứng lại hỏi: « Toa đọc thư rồi hả? Toa còn nghi tình cô Lý nữa hay không? »

Phúc lắc đầu đáp : « Trời cho mỗ một cục ngọc quý, mà mỗ không biết, mỗ tưởng là đá, là sỏi, mỗ muốn quăng, mỗ nếm n. May quá, thiếu chút nữa cục ngọc quý của mỗ bẽ nát rồi ».

Thấy bạn đã tỉnh ngộ, thì Trường mừng, nên cười mà hỏi nữa :

— Bây giờ toa phải làm sao ?

— Mỗ phải taề thốt cho vợ mỗ tin rằng mỗ không có thương nhớ cô Hạnh.

— Toa khỏi lo khoảng đó. Cô Lý đọc bức thư của toa gửi cho mỗ tự nhiên cô không còn nghi toa nhớ cô Hạnh nữa.

— Ý ! Toa đừng đưa thư của mỗ cho vợ mỗ coi chớ.

— Không đưa thì làm sao giải nghi cho cô Lý được. Mỗ giao bức thư của toa cho vợ mỗ. Cò lẽ nó đã đưa lại cho cô Lý rồi.

— Chết được ! Trong thư mỗ nói gian việc xấu cho vợ mỗ. Nếu nó đọc thì nó phiền mỗ, rồi làm sao nó thương mỗ nữa cho được.

— Toa phải xin lỗi cô Lý về khoảng đó. Thôi, đi vô nhà đăng kiểm cô Lý mà xin lỗi.

Trường vịn vai biểu Phúc đi. Phúc xếp thư bỏ vào túi áo rồi đi theo Trường. Vô nhà không thấy hai cô, Phúc với Trường bèn đi ra phía sau mà kiểm.

Còn cô Lý với cô Mỹ lúc ngồi chung với nhau một xe mà trở lên Bến súc thì cô Lý đã có than phiền thêm về sự chông cô thương cô Hạnh. Cô Mỹ cứ cười và nói cô Lý nghi lắm. Cô Lý cãi lại, nói rằng mình biết chắc chớ không phải nghi. Cô Mỹ nói để lên tới nhà rồi cô sẽ trưng bằng cứ về sự cô Lý lầm lạc

Tại như vậy nên lên tới nhà rồi hai cô dắt nhau đi ra sau vườn, vừa ra khỏi nhà thì cô Lý hỏi cô Mỹ :

— Hồi nãy trên xe chị nói chị có bằng cứ chỉ rõ tôi nghi lắm. Bằng cứ gì đâu ?

— Để ra ngoài nhà mát rồi tôi sẽ nói chuyện đó.

— Nói lần bây giờ lại hại gì hay sao ?

— Chị nóng nảy quá !

— Làm sao mà không nóng cho được.

Ra tới nhà mát, cô Lý kéo ghế mời cô Mỹ ngồi. Cô Mỹ mở cái bóp lấy ra một phong thư mà đưa cho cô Lý và nói :
« Thư của anh Phúc gửi cho anh Trường đó. Chị đọc coi có phải chị nghi lắm hay không ? »

Cô Lý ngồi mở thư ra mà đọc như vậy :

Mon cher Trương.

Niềm vợ chồng của mỗa bề ngoài coi thuận hòa lắm, nhưng mà bề trong rắc rối không biết chừng nào. Sự mâu thuẫn ấy làm cho mỗa khó chịu hết sức.

Hôm mỗa xuống thăm toa lần chót, mỗa muốn tỏ việc ấy với toa, ngặt vì việc ấy bề ngoài thì phạm đến danh giá của vợ mỗa, bởi vậy mỗa muốn nói mà rồi không nỡ nói.

Bữa nay mỗa buồn quá, không thể nín nữa được, nên mỗa phải viết thư này mà tỏ việc nhà của mỗa cho toa biết, mỗa nói cho hả hơi được hoặc may bớt buồn chút ít chăng.

Khi mỗa muốn cưới vợ, mỗa có hỏi ý-kiến vợ chồng toa. Vợ chồng toa dự dự, không cản mà cũng không dám đồng ý, toa sợ mỗa với cô Lý tâm tánh bất đồng, giáo dục cũng bất đồng, nên khó thuận hòa với nhau được, còn chị Mỹ thì chỉ sợ mỗa còn thương nhớ cô Hạnh, nếu cưới vợ, thì sẽ làm phiền cho vợ mỗa.

Ý-kiến vợ chồng toa thiệt đúng-dẫn. Mỗa nghe vợ chồng toa luận như vậy mỗa sanh ái-ngại trong lòng, nên mỗa dự dự. Té ra mấy bữa sau gặp cô Lý, mỗa tỏ ý bày tình với cô, thì cô ưng làm vợ mỗa, cô lại chịu đổi tâm hồn cô mà theo tâm hồn mỗa, dặng cứu giúp tâm-bệnh cho mỗa. Đạo-đức và cao-thượng quá! Nghe cô ưng làm vợ mỗa thì mỗa hết dự dự nữa. Mỗa mừng rỡ, mỗa hứa chắc với cô mỗa sẽ quên cô Hạnh, để trọn sự yêu thương mà đền đáp ơn tể độ, đền đáp tình tri-kỹ cho cô.

Từ ngày ấy cho tới ngày cưới, mỗa sống trong cảnh đời đắm đắm mơ mộng, mơ mộng động Bồng-Lai, mơ mộng mùi Cúc-Lạc. Mỗa chắc mấy ngày ấy là ngày khoái lạc hơn hết trong đời mỗa. Thiệt như vậy, mấy ngày ấy sự khoái lạc bao trùm mỗa, khoái lạc từ ngoài mặt mày vô tới gan ruột.

Tiếc thay, mỗa khoái lạc có mấy ngày đó mà thôi, bởi vì tới bữa cưới thì sự mơ mộng hân hoan của mỗa liền bắt đầu tiêu táng lần lần, rồi ngày nay nó vỡ tan gần hết mà hóa thành sự khổ não của Địa-Ngục!

Chắc toa không biết ai phá sự mơ mộng khoái lạc của mỗa. Bữa nay mỗa nói phứt cho toa biết. Thăng Hườn... thăng Hườn là bạn thiết của nhạc-gia mỗa, là một trai tân-tiến lợi lạc, rục rỡ, đẹp đẽ, giàu có, nó phá tan giấc mộng đắm đắm của mỗa.

(Còn nữa)

Autorisée par arrêté du Gouverneur Général

N° 600-N du 17 Juillet 1942

Imprimerie THẠNH MẬU
3, rue de Reims - Saigon

Imp. 1. 300

L'Administrateur Gérant
- HỒ VĂN KỶ-TRẦN

